

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Ngành: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Mã ngành: 7310105

Thái Nguyên, 2018

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 483/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Kinh tế phát triển

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh tế phát triển

Mã ngành: 7310105

Hình thức đào tạo: Chính quy

Chương trình đối sánh: CTĐT Kinh tế phát triển - ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH, Trường ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Kinh tế Phát triển

Thông tin kiểm định CTĐT: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số: 117/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam.

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

Quy trình đào tạo: Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện của chương trình đào tạo: ...

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chương trình

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế Phát triển có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức cơ bản và toàn diện về kinh tế, kiến thức chuyên sâu về kinh tế phát triển, có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề về kinh tế phát triển mang tính liên ngành trong các cơ quan quản lý nhà

nước, các tổ chức phát triển, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở nghiên cứu; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành chuyên gia phân tích, nhà hoạch định chính sách, nhà lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế phát triển, có các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm để có thể hành nghề theo quy định của pháp luật, có thể sử dụng thông thạo ít nhất một ngôn ngữ quốc tế.

4.2. Chuẩn đầu ra

4.2.1. Về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kinh tế Phát triển đạt được những yêu cầu về kiến thức như sau:

- Vận dụng được các kiến thức về lý luận Chính trị Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng trong hành vi và các ứng xử hàng ngày. Hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn;

- Ứng dụng được một số kiến thức toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để nhận định vấn đề, đề xuất các giải pháp trong thực tiễn hoạt động kinh tế, kinh doanh và quản lý;

- Hiểu và vận dụng các quy luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường để giải quyết các vấn đề liên quan trong công việc;

- Bước đầu vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kinh tế Phát triển để phân tích thực trạng, đánh giá tác động của tăng trưởng và phát triển kinh tế; Nghiên cứu, phân tích các chính sách kinh tế; tham gia lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

- Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kinh tế Phát triển để trợ giúp việc ra quyết định quản lý và hoạt động tác nghiệp trong phạm vi tổ chức, chương trình, dự án liên quan đến lĩnh vực kinh tế phát triển.

4.2.2. Về kỹ năng

*** Kỹ năng nghề nghiệp**

- Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề, xác định vấn đề ưu tiên trong lĩnh vực kinh tế;

- Có kỹ năng thu thập, phân tích thông tin trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, từ đó đề xuất giải pháp, kiến nghị trong lĩnh vực kinh tế phát triển;

- Có kỹ năng bước đầu trong việc soạn thảo các loại văn bản thông thường (biên bản, báo cáo, đơn đề nghị, thông báo, tờ trình, công văn, ...);

- Có khả năng trợ giúp việc ra các quyết định quản lý trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, đặc biệt là đối với các quyết định liên quan đến hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, lập chính sách phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội;

- Có khả năng thực hiện các công việc liên quan đến: Tham gia lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tư vấn các giải pháp, chính sách phát triển kinh tế xã hội, phát triển bền vững; dự báo phát triển kinh tế xã hội,... trong các tổ chức cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu, các tổ chức quản lý dự án.

**** Kỹ năng ngoại ngữ - tin học***

- Ngoại ngữ: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành Kinh tế; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn; Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Đại học Thái Nguyên cấp.

- Tin học: Sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản và tin học văn phòng, có chứng chỉ tin học quốc tế IC3, MOS hoặc tương đương. Biết cách vận hành một số máy văn phòng và thiết bị có liên quan.

**** Kỹ năng mềm***

- Có kỹ năng thuyết trình và giao tiếp tốt;
- Có kỹ năng giải quyết và xử lý vấn đề, đặt câu hỏi, lắng nghe.
- Có kỹ năng đàm phán, thuyết phục trên nền tảng luật pháp và có trách nhiệm với xã hội;
- Có khả năng hòa nhập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp.

4.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có tư duy và làm việc độc lập; Kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành và lãnh đạo nhóm; tạo động lực làm việc và phát triển nhóm; có khả năng làm việc với các nhóm khác nhau;

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế phát triển; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường thuộc lĩnh vực kinh tế phát triển.

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở mức trung bình

**** Các ma trận thể hiện mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra (Phụ lục A)***

**** Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CDR được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục B)***

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 126 tín chỉ

(Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC
1		Phần Kiến thức giáo dục đại cương*	33
2		Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93
2.1		<i>Kiến thức cơ sở của khối ngành</i>	6
2.2		<i>Kiến thức cơ sở của ngành</i>	24
2.3		<i>Kiến thức cơ sở của ngành chính</i>	24
2.4		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	27
2.5		<i>Thực tập nghề nghiệp/môn học</i>	2
2.6		<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	10
		Tổng toàn khóa	126

- Ma trận thể hiện sự đóng của các học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT

- Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT (Phụ lục B)

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức đại cương

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	MLP121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	
2	MLP132	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	MLP121
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLP121, MLP132
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	HCM121, MLP121, MLP132
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	ENG121
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	ENG121, ENG122
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	ENG121, ENG122, ENG123
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	ENG121, ENG122, ENG123, ENG124
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	ENG121, ENG122, ENG123, ENG124, ENG125

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
12	MAE131	Toán kinh tế	3	
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	MAE131
14	GIF131	Tin học đại cương	3	
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	PHE011
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	PHE011, PHE012
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	
2	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	MIE231

7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	
2	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	MIE231
3	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	PST131
4	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	
5	GEM231	Marketing căn bản	3	MIE231, MAE231
6	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	LAW121
7	ECO231	Kinh tế lượng	3	MAT 141, PST131, MIE231, MAE231
8	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	PSE231
9	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	MLP121
10	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	MIE231, MAE231, MAN231, ELA231
11	DED231	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	3	

7.2.3. Kiến thức cơ sở của ngành chính

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	MIE332	Kinh tế vi mô 2	3	MIE231, MAE231, MAE231
2	MAE332	Kinh tế vĩ mô 2	3	MAE231, MIE231

3	DEC331	Kinh tế phát triển 1	3	
4	PEC331	Kinh tế công cộng	3	MIE231
5	SEF331	Dự báo phát triển KTXH	3	DEC331, ECO231
6	SDP331	Kế hoạch hóa phát triển KT-XH	3	MIE231, MAE231, MIE332, ECO231
7	INE331	Kinh tế quốc tế	3	
8	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	MIE231, MAE231 I
9	ENC331	Kinh tế môi trường	3	MIE231
10	ECS331	Thống kê kinh tế	3	MIE231, MAE231, PSE231, ECO231
11	IEC 331	Kinh tế đầu tư 1	3	MIE231, MAE231
12	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3	ACT231

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	EDS331	Chiến lược phát triển KTXH	3	
2	DEC332	Kinh tế phát triển 2	3	DEC331
3	SEP331	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH	3	DEC331
4	DPA331	Phân tích chính sách phát triển	3	
5	SOP331	Chương trình và dự án phát triển KTXH	3	DEC331
6	PED331	Dân số và phát triển kinh tế	3	
7	EPF331	Kinh tế và tài chính công	3	
8	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	MIE231, MAE231, MAN231, ELA231
9	ECP331	Phân vùng kinh tế	3	DEC331
10	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	MIE231
11	RDE331	Kinh tế phát triển nông thôn	3	MIE231, MAE231
12	EHR331	Kinh tế nguồn nhân lực 1	3	MIE231, MAE231

7.2.5. Thực tập môn học

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	COP421	Thực tập môn học	2	DEC331, SDP331, SOP331

7.2.6. Tốt nghiệp

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	GRI441	Thực tập tốt nghiệp	4	
2	THW964	Khóa luận tốt nghiệp/các hp cuối khóa	6	
3	VNE331	Kinh tế Việt Nam	3	DEC331
4	SOS331	An sinh xã hội	3	ISE331, SIN331
5	SIN331	Bảo hiểm xã hội	3	ISE331
6	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	

8. Kế hoạch đào tạo (Phụ lục C)

9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

1.< Những NL CB của CN Mác-Lênin 1 >, MLP121

- Số tín chỉ: 02 Phân bố thời gian học tập: 24/12/72
- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học phần 1) là hệ thống tri thức chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó, biểu hiện bằng những nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản, chung nhất trong thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua học tập, nghiên cứu học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (học phần 1), trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật giúp họ tự giác trong quá trình nhận thức và hành động, trau dồi phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực tư duy sáng tạo của bản thân.

2.< Những NL CB của CN Mác-Lênin 2 >, MLP132

- Số tín chỉ: 03 Phân bố thời gian học tập: 36/18/108
- Môn học trước: Những Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin HP I
- Môn học tiên quyết: Những Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin HP I
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung môn học:
Chủ nghĩa Mác – Lênin được cấu thành bởi ba bộ phận lý luận cơ bản có mối quan hệ biện chứng thống nhất với nhau: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận Triết học đã được nghiên cứu ở Học phần I, đến Học phần II, người học sẽ được tiếp cận với Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Căn cứ vào mục tiêu học phần, học phần II được cấu trúc thành 2 phần với 6 chương nối tiếp học phần I.

Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Phần thứ ba gồm 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

3.< Tư tưởng Hồ Chí Minh2 >, HCM121

- Số tín chỉ: 02

Phân bố thời gian học tập: 24/16/72

- *Môn học trước:* Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Học phần I, học phần II).

- *Môn học tiên quyết:* Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Học phần I, học phần II).

- *Môn học song hành:* Xã hội học đại cương

- *Tóm tắt nội dung môn học:*

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc lĩnh vực khoa học chính trị. Nó có quan hệ mật thiết với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nội dung của môn học bao gồm 8 chương, trình bày những vấn đề cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học.

Cụ thể:

+ Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa việc học tập môn Tư Tưởng Hồ Chí Minh.

+ Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới;

- Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Qua đó, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực

trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam

4.< Đường lối cách mạng Việt Nam>, VCP131

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Xã hội học đại cương

- Môn học tiên quyết: “Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin” Học phần I và Học phần II.

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học:

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là 1 trong 3 môn học thuộc khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Môn học có quan hệ mật thiết với các môn: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đất nước Việt Nam trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Vì vậy, đường lối của Đảng vừa có tính khoa học, vừa có tính cách mạng sâu sắc.

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng, về đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Đường lối cách mạng của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

Qua học tập môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh viên có cơ sở vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội...theo đường lối, chính sách của Đảng.

5.< Pháp luật đại cương>, LAW121

- Số tín chỉ: 02

Phân bố thời gian học tập: 24/12/72

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học:

Môn học Pháp luật đại cương là môn thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ

thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; Một số ngành luật cơ bản trong Hệ thống pháp luật của Việt Nam.

Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến : Nguồn gốc ra đời của nhà nước, pháp luật ; khái niệm, đặc trưng, vai trò, chức năng của nhà nước và pháp luật ; Các khái niệm pháp lý cơ bản: Quan hệ pháp luật; Quy phạm pháp luật; Thực hiện pháp luật; Vi phạm pháp luật; Trên cơ sở những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong Hệ thống pháp luật Việt Nam.

Môn học được thiết kế dành cho đối tượng là các sinh viên khối trường kinh tế và những người có quan tâm.

6.< Tiếng Anh 1>, ENG121

- Số tín chỉ: 02

Phân bố thời gian học tập: 24/12/72

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học:

Tiếng Anh học phần 1 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày Mỗi bài (Unit) được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát triển tư duy tích cực. Mỗi bài học có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

7.< Tiếng Anh 2>, ENG122

- Số tín chỉ: 02

Phân bố thời gian học tập: 24/12/72

- Môn học trước: Tiếng Anh học phần 1

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học: Tiếng Anh học phần 2 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo

chương trình Đề án ngoại ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyến đi, tiền tệ và ngoại hình con người. Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà

8.< Tiếng Anh 3>, ENG123

- Số tín chỉ: 02 *Phân bố thời gian học tập: 24/12/72*

- *Môn học trước:* Tiếng Anh học phần 2

- *Môn học tiên quyết:* Tiếng Anh học phần 1,2

- *Môn học song hành:* Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Tiếng Anh học phần 3 là môn học tiếp nối môn học tiếng Anh học phần 1 và tiếng Anh học phần 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

9.< Tiếng Anh 4>, ENG124

- Số tín chỉ: 02 *Phân bố thời gian học tập: 24/12/72*

- *Môn học trước:* Tiếng Anh học phần 3

- *Môn học tiên quyết:* Tiếng Anh học phần 1,2,3

- *Môn học song hành:* Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Thói quen sinh hoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết.

Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

10.< Tiếng Anh 5>, ENG125

- Số tín chỉ: 02 *Phân bố thời gian học tập: 24/12/72*
- Môn học trước: Tiếng Anh 4
- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2,3,4
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung môn học:

Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

11.< Tiếng Anh 6>, ENG126

- Số tín chỉ: 02 *Phân bố thời gian học tập: 24/12/72*
- Môn học trước: Tiếng Anh 5
- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2,3,4,5
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung môn học:

Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ trung cấp (Trình độ B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng

Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Sức khỏe, Thể thao, Ẩm thực, Môi trường, giao tiếp...* Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học

12.< Toán kinh tế>, MAE131

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học:

Nội dung học phần được chia làm bốn chương chính: Chương 1, người học sẽ được trang bị kiến thức cơ bản về ma trận, các phép toán về ma trận, định thức, tính chất và cách tính định thức. Sinh viên sẽ được giới thiệu về khái niệm, tính chất và cách tìm ma trận nghịch đảo. Tiếp theo, sinh viên sẽ được học về hạng của ma trận, cách tìm hạng của ma trận và giải được hệ phương trình tuyến tính ở dạng tổng quát. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. Ở chương 2, chương 3, Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế. Sang chương 4, giới thiệu cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến.

13.< Lý thuyết xác suất và thống kê toán>, PST131

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

-Môn học trước: Toán kinh tế

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học: Học phần *Lý thuyết xác suất và thống kê toán* trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xác suất và thống kê. Các định nghĩa về xác suất, các công thức xác suất, xác suất có điều kiện, công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes, dãy phép thử Bernoulli được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu về biến ngẫu nhiên, hàm phân phối, hàm mật độ, các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên như kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn, mode, trung vị, giá trị tới hạn và một số phân phối thông dụng như phân phối chuẩn, phân phối không – một, phân phối nhị thức, phân phối Student, phân phối khi bình phương, phân phối F... Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

14.< Tin học đại cương >, GIF131

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Tin học đại cương trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành windows, mua sắm máy tính, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

15.< Giáo dục thể chất 1>, PHE011

- Số tín chỉ: 01 *Phân bố thời gian học tập: 4/26/60*
- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung môn học:

GDTC I là học phần giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển các tố chất thể lực, đảm bảo sự kế thừa về nội dung học tập một cách hệ thống và liên tục chặt chẽ với chương trình GDTC trong các trường phổ thông.

Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện.

16.< Giáo dục thể chất 2>, PHE012

- Số tín chỉ: 01 *Phân bố thời gian học tập: 4/26/60*
- Môn học trước: Học phần GDTC I
- Môn học tiên quyết: Học phần GDTC I
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung môn học:

- GDTC II là học phần giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển các tố chất thể lực, đảm bảo sự kế thừa về nội dung học tập một cách hệ thống và liên tục chặt chẽ với chương trình GDTC trong các trường phổ thông. Các

bài tập điền kinh không chỉ có tác dụng tốt đối với sức khỏe con người mà còn là cơ sở để phát triển các môn thể thao khác.

+ Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội.

+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn Điền kinh, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện. Có hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục thể thao trong hoạt động giáo dục đại học.

17.< Giáo dục thể chất 3>, PHE013

- Số tín chỉ: 01 *Phân bố thời gian học tập: 4/26/60*
- Môn học trước: *Học phần GDTC I, GDTC II*
- Môn học tiên quyết: *Học phần GDTC I*
- Môn học song hành: *Không*
- Tóm tắt nội dung môn học:

Bóng chuyền là môn thể thao hiện nay rất phát triển ở nước ta, đặc biệt trong các trường chuyên nghiệp, đây là môn thể thao có nhiều hình thức chơi cho từng trường hợp cụ thể và phù hợp với tất cả mọi người. Giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất trong môi trường đại học, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển các tổ chức thể lực.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất, kỹ năng đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

18.< Giáo dục quốc phòng>

19.< Kinh tế vi mô 1>, Mã học phần: MIE231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: *Không*
- Môn học tiên quyết: *Không*
- Môn học song hành: *Toán kinh tế, Tin học đại cương*

Tóm tắt nội dung môn học: **Kinh tế vi mô 1** là môn học cung cấp những kiến thức cơ sở cho sinh viên các trường thuộc khối ngành Kinh tế & Quản trị Kinh doanh. Học phần nghiên cứu và xem xét hành vi của các thành viên trong nền kinh tế. Cụ thể, môn học giới thiệu về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi người sản xuất; Cấu trúc thị trường; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị

trường khác nhau; Thị trường lao động; Các thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ.

20. < Kinh tế vĩ mô 1> , Mã học phần: MAE231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: : Không

Tóm tắt nội dung môn học: Kinh tế vĩ mô 1 là môn học cơ bản của chuyên ngành kinh tế, nghiên cứu và xem xét nền kinh tế với tư cách là một tổng thể. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước và sự can thiệp của Chính phủ mỗi quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Những biến số kinh tế vĩ mô cơ bản bao gồm tổng cung, tổng cầu, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng thể hiện sự điều tiết vĩ mô của Chính phủ như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương... Bằng phương pháp mô hình hóa, trừu tượng hóa khoa học, môn học sẽ giải thích mối quan hệ giữa các biến số vĩ mô cơ bản trong từng mô hình kinh tế từ đơn giản đến phức tạp, đồng thời nghiên cứu và phân tích trạng thái của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.

21. < Quản trị học>, Mã học phần: MAN231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung cơ bản của môn quản trị học gồm: Giới thiệu các vấn đề chung về quản trị, các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm soát và các phương pháp quản trị xung đột ... Giúp cho người học nhận thức được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn quản trị, chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tạo điều kiện thuận lợi để học tốt các môn học khoa học nghiệp vụ chuyên ngành như QT Marketing; QT nhân lực; QT ngân hàng; Quản lý kinh tế, Kế toán quản trị...

22. < Tài chính - tiền tệ 1 > , Mã học phần: FAM231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1
- Môn học tiên quyết: Triết học Mác Lênin
- Môn học song hành: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tài chính tiền tệ 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng; Bảo hiểm và Tài chính quốc tế giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn) và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

23. <Nguyên lý thống kê>, Mã học phần: PSE231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Lý thuyết XS & TKê toán
- *Môn học tiên quyết:* Không
- *Môn học song hành:* : Kinh tế Vi mô, Kinh tế Vĩ mô

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thống kê như một số khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê thường dùng. Bên cạnh đó, trong quá trình học, sinh viên sẽ hiểu, biết và vận dụng các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin, các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng (Phương pháp phân tích dãy số thời gian, phân tích chỉ số,...vv). Từ đó đọc, hiểu và tính toán được các chỉ tiêu kinh tế để nhận thức được chính xác hiện tượng kinh tế xã hội từ đó đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong quản lý.

24. < Nguyên lý kế toán> , Mã học phần: ACT231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Không
- *Môn học tiên quyết:* Không
- *Môn học song hành:* : Luật và chuẩn mực kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của

một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục

25. < Marketing căn bản > , Mã học phần: GEM231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*

- *Môn học trước:* Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

- *Môn học tiên quyết:* Kinh tế vi mô

- *Môn học song hành:* : Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

26. < Luật kinh tế (căn bản)> , Mã học phần: ELA231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*

- *Môn học trước:* Pháp luật đại cương

- *Môn học tiên quyết:* Không

- *Môn học song hành:* : Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn Luật kinh tế là môn học bắt buộc cho tất cả các chuyên ngành đào tạo thuộc khối ngành kinh tế của trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thiết thực về pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường như: Hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế; Vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh; Hợp đồng trong quan hệ kinh doanh, thương mại; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, Pháp luật về Phá sản; Pháp luật Lao động...

Những kiến thức về pháp luật kinh tế sẽ giúp sinh viên có những hiểu biết cơ bản và cần thiết nhất, là công cụ hỗ trợ hữu hiệu cho sinh viên sau khi ra trường để có thể làm việc và khởi nghiệp. Những kiến thức này sẽ giúp sinh viên tránh được những hành vi vi phạm pháp luật khi hoạt động kinh doanh, biết lựa chọn các mô hình kinh doanh thích

hợp và sử dụng các công cụ pháp lý để tiến hành kinh doanh một cách có hiệu quả và bảo vệ hữu hiệu quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

27. <Kinh tế lượng>, Mã học phần: ECO231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Toán cao cấp, xác suất thống kê, Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Tin ứng dụng, nguyên lý thống kê

Tóm tắt nội dung môn học: . Học phần được kết cấu theo 8 chương với 2 nội dung căn bản: Nội dung thứ nhất (chương 1 đến chương 4) giới thiệu về mô hình hồi quy (đơn biến và đa biến): Cách biểu diễn mô hình hồi quy tổng thể, mô hình hồi quy mẫu, phương pháp ước lượng hệ số, khoảng tin cậy, kiểm định hệ số và kiểm định mô hình, dự báo. Nội dung thứ hai (chương 5 đến chương 8) giới thiệu về các khuyết tật có thể xảy ra của một mô hình kinh tế lượng (đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, thiếu biến/mô hình sai): khái niệm, nguyên nhân, hậu quả, cách phát hiện và biện pháp khắc phục. Song song với nội dung lý thuyết, sinh viên được hướng dẫn thực hành và làm bài tập nhóm trên phần mềm EVIEWS.

28. < Phương pháp nghiên cứu khoa học>, Mã học phần: RSE331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: : Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học cái nhìn tổng quan về nghiên cứu khoa học. Từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, học phần giúp người học tổng quan được các tài liệu và xây dựng khung lý thuyết phục vụ cho nghiên cứu. Trên cơ sở đó đưa ra các câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung phân tích và đề cương chi tiết tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu được tiến hành một cách khoa học và logic đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đã được thiết lập. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức liên quan đến các phương pháp xử lý số liệu như thống kê mô tả, phương pháp phân tích định tính, phân tích định lượng để phục vụ cho nghiên cứu được tốt hơn; hướng dẫn sinh viên các viết một số báo cáo khoa học phù hợp với hướng nghiên cứu hiện nay của các nước phát triển.

29. < Lịch sử các học thuyết kinh tế>, Mã học phần: HET231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin
- Môn học tiên quyết: Không

- *Môn học song hành:* : Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế hệ thống đầy đủ các quan điểm kinh tế của các trường phái, các đại biểu tiêu biểu trên thế giới gắn với điều kiện lịch sử xuất hiện của chúng từ trước đến nay. Trong quá trình học, sinh viên sẽ nắm được quá trình hình thành, phát sinh, phát triển của từng hệ thống quan điểm kinh tế. Đánh giá các quan điểm kinh tế trong từng thời kỳ với nhau để thấy được ưu nhược điểm và hạn chế của những quan điểm này từ đó có cách nhìn khái quát nhất về quá trình phát triển kinh tế cho đến ngày nay cũng như rút ra những bài học, quan điểm riêng cho bản thân. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm được một cách có hệ thống các quan điểm, các học thuyết kinh tế của các trường phái và các đại biểu tiêu biểu trên thế giới gắn với điều kiện lịch sử xuất hiện chúng. Từ đó, có các kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành Kinh tế khác.

30. < Địa lý kinh tế Việt Nam>, Mã học phần: VGE231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Quản trị học, Luật Kinh tế.
- *Môn học tiên quyết:* Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.
- *Môn học song hành:* Lịch sử các học thuyết kinh tế

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản của lý luận về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội nói chung, tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội của nước Việt Nam nói riêng. Môn học trình bày những khái niệm vùng kinh tế, phân vùng kinh tế dựa theo chuyên môn hóa kinh tế. Môn học giới thiệu vai trò, vị trí của từng ngành kinh tế trong tổng thể nền kinh tế, giới thiệu sự phân bố cụ thể của các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ của Việt Nam, từ đó sinh viên có thể áp dụng vào thực tế trong quy hoạch, lựa chọn vùng (địa điểm) cụ thể cho đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế. Môn học giúp cho sinh viên hiểu được vị trí của Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới, ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế. Môn học giới thiệu các nguồn lực phát triển chủ yếu và cách sử dụng các nguồn lực đó để phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Và phần cuối cùng, môn học giới thiệu cụ thể về 8 vùng kinh tế của Việt Nam, bao gồm các nội dung về: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội, khung lãnh thổ, những thuận lợi - khó khăn và định hướng phát triển của vùng.

31. <Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế>, Mã học phần: DED231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Pháp luật đại cương
- *Môn học tiên quyết:* Không
- *Môn học song hành:* Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Học phần Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế (VBQLKT) cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về văn bản và cách thức soạn thảo một số loại văn bản hành chính, văn bản hợp đồng thông dụng: cung cấp những kiến thức liên quan đến khái niệm văn bản, chức năng của văn bản, vấn đề thể thức văn bản, yêu cầu khi soạn thảo văn bản hành chính, quy trình soạn thảo văn bản hành chính; cách thức soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường như công văn, biên bản, thông báo, tờ trình, báo cáo, đơn từ..., kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý tổ chức như quyết định, nghị quyết, điều lệ, quy chế, nội quy; kỹ thuật soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại như hợp đồng mua bán hàng hóa; hợp đồng vận chuyển hàng hóa; kỹ thuật soạn thảo một số hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng cho vay tiền, hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng tặng cho tài sản.

32. <Kinh tế vi mô 2>, Mã học phần: MIE332

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Quản trị học, Luật Kinh tế.
- *Môn học tiên quyết:* Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.
- *Môn học song hành:* Lịch sử các học thuyết kinh tế

Tóm tắt nội dung môn học: Tiếp nối các kiến thức của kinh tế vi mô 1, học phần Kinh tế vi mô 2 cung cấp các kiến thức hiện đại và chuyên sâu về kinh tế vi mô cho sinh viên ngành kinh tế ở bậc đại học. Học phần nghiên cứu các vấn đề: Các mô hình kinh tế và phương pháp tối ưu hóa; Lý thuyết cầu; Lý thuyết về hãng; Thị trường cạnh tranh và độc quyền; Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Thị trường các yếu tố sản xuất; Các thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ. Từ đó, sinh viên nắm được kỹ hơn các vấn đề liên quan đến hành vi của người tiêu dùng và người sản xuất trong dài hạn, các quyết định sản xuất tối ưu của doanh nghiệp trong các thị trường khác nhau, các giải pháp can thiệp của Chính phủ để khắc phục những thất bại của thị trường.

33. < Kinh tế vĩ mô 2>, Mã học phần: MAE322

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Kinh tế vi mô 1
- *Môn học tiên quyết:* Kinh tế vĩ mô 1
- *Môn học song hành:* Không

Tóm tắt nội dung môn học: Kinh tế vĩ mô – học phần 2 nghiên cứu những kiến thức nâng cao của kinh tế học vĩ mô về ứng xử tổng thể của nền kinh tế theo các biến số quan trọng như: tiêu dùng, đầu tư, lãi suất, thu nhập... Đặc biệt là vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế vĩ mô thông qua việc thực hiện các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và chính sách kinh tế mở. Đồng thời, học phần này cũng đề cập đến những vấn đề liên quan đến tăng trưởng kinh tế và các mô hình mô tả nền kinh tế trong dài hạn,

từ sản xuất, phân phối đến phân bổ thu nhập quốc dân; mô hình cân bằng tổng hợp như mô hình IS-LM, mô hình Mundell –Fleming. Học phần cũng chú trọng đến việc áp dụng những mô hình, lý thuyết kinh tế vĩ mô để phân tích các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong thực tế điều hành nền kinh tế vĩ mô. Việc xây dựng các mô hình kinh tế sẽ giúp giải thích các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cả trong ngắn hạn và dài hạn.

34. < Kinh tế phát triển 1>, Mã học phần:DEC 331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Kinh tế phát triển là một môn trong hệ thống các môn kinh tế học. Học phần này nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế trong điều kiện các nước đang phát triển. Như vậy, môn học sẽ cung cấp cho người học, các nhà kinh tế tương lai, các nhà hoạch định chính sách những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn cho việc tìm ra con đường hợp lý nhất để tăng trưởng kinh tế, cải thiện và nâng cao mức sống và đảm bảo sự tiến bộ cho mọi người ở mỗi quốc gia đang phát triển

35. < Kinh tế công cộng>, Mã học phần: PEC 331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Kinh tế công cộng tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Tổng quan về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường và đối tượng nghiên cứu của môn học kinh tế công cộng; Chính phủ với vai trò phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế; Chính phủ với vai trò phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội; Chính phủ với vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong điều kiện toàn cầu hoá; Lựa chọn công cộng; Các công cụ chính sách can thiệp chủ yếu của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Phân tích chính sách chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế.

Học phần trang bị cho sinh viên kinh tế những kiến thức cơ bản về môn học Kinh tế công cộng như vai trò, chức năng của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường, cách thức can thiệp và phương pháp đánh giá các tác động của những công cụ chính sách mà Chính phủ sử dụng để điều tiết nền kinh tế là hết sức cần thiết. Và điều này trở nên cần thiết hơn

khi Đảng ta đã xác định mô hình phát triển của nền kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, theo định hướng XHCN.

36. < Dự báo phát triển KTXH>, Mã số: EDF 331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế phát triển, Kinh tế lượng
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Dự báo phát triển kinh tế - xã hội là một môn khoa học xã hội cung cấp các phương pháp dự báo, tiên đoán có tính khoa học, mang tính chất xác suất về mức độ, nội dung, các mối quan hệ, trạng thái, xu hướng phát triển của các vấn đề kinh tế - xã hội hoặc về cách thức và thời hạn đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra trong tương lai. Học phần này cung cấp cho người học, các nhà kinh tế, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý những phương pháp dự báo nhằm hỗ trợ cho quá trình ra quyết định quản lý.

37. < Kế hoạch hóa phát triển KT-XH>, Mã học phần: SDP 321

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế Vi mô 2, Kinh tế lượng
- Môn học tiên quyết: Kinh tế Vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1
- Môn học song hành: Kinh tế vĩ mô 2, Kinh tế phát triển, Kinh tế công cộng

Tóm tắt nội dung môn học: Kế hoạch hóa (KHH) phát triển là môn học lý luận quản lý ứng dụng. Nó nghiên cứu các vấn đề lý luận, phương pháp luận và phương pháp cụ thể về xây dựng, thực hiện, theo dõi đánh giá hệ thống kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong nền kinh tế thị trường. Cụ thể nó nghiên cứu:

- Cơ sở lý luận và phương pháp luận của KHH phát triển
- Nội dung và phương pháp lập các kế hoạch phát triển kinh tế
- Nội dung và phương pháp lập các kế hoạch phát triển xã hội

38. < Kinh tế quốc tế>, Mã học phần: INE331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Kinh tế Vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Kinh tế quốc tế nghiên cứu sự phụ thuộc kinh tế giữa các quốc gia, phân tích dòng chảy hàng hóa, dịch vụ và thanh toán giữa một quốc gia với phần còn lại của thế giới, chính sách định hướng cho các dòng chảy này ảnh hưởng của

chúng đối với phúc lợi của quốc gia. Sự phụ thuộc kinh tế của các quốc gia này ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi các quan hệ chính trị kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh giữa các quốc gia. Ngoài ra, môn học cũng giúp người học nắm được bản chất của những vấn đề tiền tệ của nền kinh tế thế giới như thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán quốc tế và các thể chế tài chính quốc tế

39. < Lập và phân tích dự án đầu tư>, Mã học phần: AIP 331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Kinh tế Vi mô I, Kinh tế Vĩ mô I
- *Môn học tiên quyết:* Không
- *Môn học song hành:* Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn Lập và phân tích dự án đầu tư trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập dự án. Môn học bắt đầu từ việc xem xét những vấn đề lý luận chung về đầu tư phát triển, về dự án đầu tư phát triển. Trên cơ sở đó, đi sâu xem xét trình tự và các nội dung cần nghiên cứu trong quá trình soạn thảo dự án đầu tư; xem xét công tác tổ chức soạn thảo dự án; xem xét nội dung, phương pháp phân tích đánh giá các khía cạnh của dự án ở giai đoạn nghiên cứu khả thi: Nghiên cứu điều kiện vĩ mô, nghiên cứu khía cạnh thị trường, nghiên cứu khía cạnh kỹ thuật, nghiên cứu khía cạnh tổ chức quản lý và nhân sự, nghiên cứu khía cạnh tài chính và kinh tế - xã hội.

40. < Kinh tế môi trường>, Mã học phần: ENC331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Kinh tế vi mô 1
- *Môn học tiên quyết:* Không
- *Môn học song hành:* Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần kinh tế môi trường nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về kinh tế tài nguyên và môi trường tự nhiên. Kinh tế môi trường nghiên cứu nguyên nhân kinh tế, đánh giá thiệt hại kinh tế của các vấn đề môi trường (ô nhiễm, suy thoái môi trường...) và phân tích khía cạnh kinh tế của các công cụ chính sách quản lý môi trường. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ tương tác qua lại và phụ thuộc lẫn nhau giữa hệ thống kinh tế và môi trường tự nhiên, từ đó tiếp cận quan điểm phát triển bền vững. Kinh tế môi trường giới thiệu các phương pháp đánh giá giá trị môi trường được áp dụng trên thực tế như đánh giá giá trị rừng ngập mặn, đánh giá thiệt hại kinh tế của ô nhiễm khí quyển... từ đó có những cách thức sử dụng hiệu quả và phân bổ hợp lý tài nguyên môi trường. Cuối cùng, kinh tế môi trường cung cấp phương pháp khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên (tài nguyên tái tạo được và không tái tạo được)

41. < Thống kê kinh tế>, Mã học phần: EST331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Thống kê Kinh tế là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành gồm 9 chương với các nội dung về thống kê dân số, thống kê của cải quốc dân, thống kê kết quả và hiệu quả sản xuất của nền kinh tế quốc dân, thống kê ngân sách, tiền tệ, tín dụng; thống kê mức sống dân cư và so sánh quốc tế. Học phần là môn học nền tảng cho nghiên cứu các môn học chuyên ngành chuyên sâu thuộc khối ngành kinh tế và là kiến thức nền tảng cho viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp.

42. < Kinh tế đầu tư 1>, Mã học phần:IEC331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Kinh tế Đầu tư – học phần I sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Đó là những vấn đề lý luận chung về đầu tư như khái niệm và bản chất của đầu tư nói chung và đầu tư phát triển nói riêng; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và nghiên cứu kinh tế. Đồng thời, môn học cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.

43. < Kế toán doanh nghiệp>, Mã học phần: BUA331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất với các phần hành kế toán cơ bản. Học phần KTDN được kết cấu theo 6 chương bao gồm: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ; Kế toán Tài sản cố định, Kế toán Tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành

sản phẩm; Kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả tiêu thụ. Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp về lựa chọn chứng từ, lập định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó học phần này còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả giúp sinh viên phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến công việc kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất. Đây là học phần học sau học phần Nguyên lý kế toán,...

44. < Chiến lược phát triển KTXH>, Mã số: EDS 331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Kinh tế thị trường ngày càng chứng tỏ tính hiệu quả trong phân bổ nguồn lực của nền kinh tế. Quan điểm bàn tay vô hình ủng hộ chủ trương để thị trường tự do điều chỉnh nền kinh tế. Những cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới trong suốt nhiều năm qua đã đòi hỏi phải có bàn tay của chính phủ để bổ sung cho thị trường nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn. Các nhà kinh tế tuy tranh cãi nhiều nhưng cũng đã thừa nhận phải có sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế bằng nhiều công cụ khác nhau mà không thể nói tới chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội là bản kế hoạch phát triển dài hạn kinh tế xã hội cho đất nước. Chiến lược sẽ định hướng cho sự phát triển kinh tế xã hội của quốc gia phù hợp với trạng thái trình độ phát triển của nền kinh tế, điều kiện nguồn lực, xu thế của thế giới cùng với cách thức để thực hiện thành công nó trong thời kỳ chiến lược.

45. < Kinh tế phát triển 2>, Mã học phần: DEC 332

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế phát triển 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Kinh tế phát triển 2 là một môn trong hệ thống các môn kinh tế học. Học phần này nghiên cứu các nguồn lực và các chính sách huy động nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển và nghiên cứu tác động của các ngành kinh tế đối với quá trình tăng trưởng kinh tế. Như vậy, môn học sẽ cung cấp cho người học, các nhà kinh tế tương lai, các nhà hoạch định chính sách tương lai những kiến thức sâu hơn về các công cụ chính sách và giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế tại các nước đang phát triển.

46. < Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH>, Mã học phần: SEP331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế phát triển 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội là một trong những môn chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế phát triển. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp về quy hoạch phát triển kinh tế tổng hợp cho một vùng, một địa phương (tỉnh, huyện) trong một thời kỳ nhất định (10-15-20 năm). Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tạo dựng một khung sườn vĩ mô cho các quy hoạch chuyên ngành phát triển một cách đồng bộ, hài hoà với việc tổ chức không gian lãnh thổ vùng nghiên cứu. Giải quyết mối quan hệ mật thiết việc khai thác sử dụng quỹ đất đai và các nguồn tài nguyên khác để đạt được mục tiêu phát triển toàn diện và bền vững.

47. < Phân tích chính sách phát triển>, Mã SỐ: DPA321

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế phát triển 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Phân tích chính sách phát triển bao gồm 6 chương. Học phần tập trung giải quyết những vấn đề chung có tính phương pháp luận của phân tích chính sách như: hiểu thế nào là phân tích chính sách; khung khổ phân tích trong quá trình chính sách, các nguyên tắc, căn cứ để phân tích chính sách; các loại hình phân tích chính sách. Nội dung của môn học được sắp xếp theo trình tự các công đoạn trong quy trình xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Môn học làm rõ chức năng, vai trò và sự cần thiết phân tích ở mỗi công đoạn của quá trình chính sách; các cách tiếp cận, các mô hình và các phương pháp phân tích thích hợp.

48. < Chương trình và dự án phát triển KTXH>, Mã số:SOP331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế phát triển 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội có một vai trò vô cùng quan trọng đó là định hướng, xác định tốc độ phát triển, cơ cấu kinh tế và các cân đối lớn, các chính sách và giải pháp để dẫn dắt nền kinh tế theo định hướng đã vạch ra. Trong điều kiện nguồn lực có hạn, để dẫn dắt nền

kinh tế đi theo đúng định hướng của kế hoạch với hiệu quả kinh tế xã hội cao nhất thì chúng ta phải sử dụng công cụ chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội. Đây là một công cụ đặc thù của kế hoạch nhằm đưa kế hoạch vào thực tế cuộc sống thị trường. Chính vì vậy, việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội là vô cùng cần thiết có ý nghĩa thiết thực. Môn học chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội sẽ đề cập đến những kiến thức về xây dựng, thẩm định và quản lý các chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội, tạo cơ sở cho sinh viên có được khả năng, kỹ năng về xây dựng và đặc biệt là triển khai thực hiện các kế hoạch định hướng vĩ mô theo đúng đường lối chính sách của Đảng và nhà nước.

49. < Dân số và phát triển kinh tế>, Mã học phần: PED 321

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Không
- *Môn học tiên quyết:* Không
- *Môn học song hành:* Không

Tóm tắt nội dung môn học: Dân số phát triển kinh tế là một môn khoa học xã hội bao gồm hai nội dung chính: Một là những kiến thức cơ bản về dân số học và hai là mối quan hệ giữa dân số và phát triển. Dân số học nghiên cứu các động thái và các quá trình dân số. Dân số thường xuyên biến động. Tại các thời điểm khác nhau, quy mô, cơ cấu, chất lượng và tốc độ tăng dân số khác nhau. Bên cạnh đó, chúng ta còn phải nghiên cứu các mối quan hệ giữa dân số và phát triển. Từ đó, cung cấp cho chúng ta bức tranh dân số thế giới và Việt Nam hiện tại và tương lai; cung cấp cơ sở lý luận về mối quan hệ dân số và các hiện tượng kinh tế, xã hội, môi trường và ngược lại; làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, xã hội, môi trường...Giúp đạt được các mục tiêu phát triển là: Nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần cho con người.

50. < Kinh tế và tài chính công>, Mã Số: EPF321

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Không
- *Môn học tiên quyết:* Không
- *Môn học song hành:* Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học tập trung đi vào xem xét chính phủ sử dụng hai công cụ chính là thuế – chi tiêu cũng như đánh giá tác động của các công cụ này theo hai tiêu chí hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội. Cụ thể, môn học sẽ tập trung phân tích tác động của các loại chi tiêu như chi thường xuyên và chi đầu tư, cũng như giới thiệu nội dung quản lý chi tiêu công hiện đại hiện đang được áp dụng thí điểm ở Việt Nam. Sau đó, môn học chuyển sang xem xét tác động của thuế nói chung trong các thị trường hàng hoá (thị trường cạnh tranh và độc quyền) và thị trường yếu tố sản xuất. Lý thuyết đánh thuế

tối ưu được giới thiệu như một cơ sở để đề xuất phương hướng cải cách thuế ở các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngoài ra, vấn đề quan hệ tài chính giữa các cấp chính quyền cũng được đề cập đến, thông qua việc giới thiệu lý thuyết về phân cấp và phân cấp ngân sách cũng như phương hướng cải cách phân cấp ngân sách ở Việt Nam.

51. < Kinh tế và chính sách phát triển vùng>, Mã học phần: ERP331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Quản trị học, Luật Kinh tế
- Môn học tiên quyết: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1
- Môn học song hành: Kinh tế công cộng, Kinh tế môi trường

Tóm tắt nội dung môn học: Kinh tế vùng là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển có hiệu quả của kinh tế vùng sẽ tác động trực tiếp đến sự tăng trưởng kinh tế không chỉ riêng đối với từng vùng mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Phát triển các vùng kinh tế trên cơ sở khai thác thế mạnh tiềm năng mỗi vùng, liên kết giữa các vùng nhằm thu hút đầu tư, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng đều có, làm cho các vùng đều có chuyển biến tiến bộ, cơ cấu kinh tế hợp lý tạo nên sự phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ của cả nước là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn kinh tế và chính sách phát triển vùng, tham khảo kinh nghiệm của các nước về phát triển kinh tế vùng và khả năng vận dụng ở Việt Nam là một trong những việc làm có ý nghĩa thiết thực.

52. < Phân vùng kinh tế>, Mã số: ECP331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế Phát triển 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần giới thiệu những vấn đề liên quan đến quy hoạch tổ chức nền kinh tế theo lãnh thổ. Tổ chức kinh tế - xã hội theo lãnh thổ đề cập những vấn đề liên quan tới bản chất, các phương pháp xây dựng, các nguyên tắc và nội dung cơ bản của tổ chức lãnh thổ. Trong đó đi sâu vào phân công lao động theo lãnh thổ, phân bố lực lượng sản xuất, phân bố dân cư, quan hệ sản xuất. Vấn đề phân vùng kinh tế có vai trò đặc biệt quan trọng gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

53. < Kinh tế bảo hiểm>, Mã học phần: ISE331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1
- Môn học tiên quyết: Không

- *Môn học song hành:* Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế; Tổng quan về bảo hiểm thương mại; Nghiên cứu chi tiết một số loại hình bảo hiểm thương mại cụ thể như: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm nông nghiệp...

54. < Kinh tế phát triển nông thôn>, Mã học phần: ERD331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Không
- *Môn học tiên quyết:* Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1
- *Môn học song hành:* Nguyên lý kinh tế nông nghiệp

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học “Kinh tế phát triển nông thôn là” là môn cơ sở của chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về nông thôn và phát triển nông thôn, cụ thể:

- Khái niệm về nông thôn, quan hệ giữa nông thôn và thành thị trong phát triển kinh tế, khái niệm về phát triển nông thôn, quan điểm và phương hướng phát triển nông thôn ở nước ta.

- Cơ cấu kinh tế nông thôn, bao gồm bản chất, đặc trưng, nội dung của cơ cấu kinh tế nông thôn, các nhân tố ảnh hưởng đến sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông thôn, phương hướng và giải pháp thúc đẩy cơ cấu kinh tế nông thôn ở nước ta.

- Các ngành kinh tế cơ bản của nông thôn như nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, thương mại dịch vụ nông thôn, bản chất, vai trò của mỗi ngành, nội dung phát triển chủ yếu của chúng, vai trò của nhà nước trong sự phát triển những ngành kinh tế đó...

- Những vấn đề về phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn: bản chất, vai trò, đặc điểm của hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn, nội dung hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn...

55. < Kinh tế nguồn nhân lực 1>, Mã học phần: EHR331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Môn học trước:* Quản lý Nhà nước về kinh tế
- *Môn học tiên quyết:* Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- *Môn học song hành:* Quản lý kinh tế 1

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Học phần Kinh tế nguồn nhân lực 1 là một môn học cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến lĩnh vực kinh tế và quản lý nguồn nhân lực. Nội dung của môn học tập trung nghiên cứu các nội dung: các khái niệm cơ bản (lao động, sức lao động, nguồn nhân lực, dân số hoạt động kinh tế, lực lượng lao động,...);

mối quan hệ giữa dân số và nguồn nhân lực; khái niệm và đặc điểm của thị trường lao động; các yếu tố ảnh hưởng đến cung, cầu lao động; sự cân bằng của thị trường lao động; thị trường lao động Việt Nam; vai trò của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; các phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; các phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; khái niệm năng suất lao động và tăng năng suất lao động; các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến năng suất lao động; các biện pháp để tăng năng suất lao động; những nguyên tắc cơ bản của tổ chức tiền lương; các hình thức trả lương,... Cùng với việc cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng để có thể sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực thì môn học cũng giúp cho người học hình thành được những kỹ năng cần thiết của một cán bộ quản lý nói chung và cán bộ làm công tác quản lý nguồn nhân lực nói riêng.

56. < Kinh tế Việt Nam>, Mã học phần: VNE331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế phát triển 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Kinh tế Việt Nam làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam khi chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Học phần Kinh tế Việt Nam sẽ làm nền tảng cơ sở cho công tác nghiên cứu của sinh viên trong những học phần tiếp theo của chương trình học tập tại trường đại học. Học phần có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp những kiến thức cơ bản nhất cả lý luận và thực tiễn về nền kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới giúp người học có cái nhìn tổng thể về thực trạng nền kinh tế của nước ta.

57. < An sinh xã hội>, Mã học phần: EHP321

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Tổ chức và quản lý chính sách y tế; Quản lý tài chính y tế
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Khái niệm, vị trí vai trò của truyền thông – giáo dục sức khỏe; Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe; Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe; Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe; Phương tiện và phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe; Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe; giáo dục sức khỏe ở cộng đồng

58. <Bảo hiểm xã hội>, Mã học phần: SOI331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Kinh tế bảo hiểm
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học BHXH nghiên cứu chủ yếu các nội dung sau đây:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về BHXH và vị trí, vai trò của BHXH trong hệ thống an sinh xã hội.
- Làm rõ đặc điểm, cơ sở hình thành và nội dung các chế độ BHXH, hệ thống các chế độ BHXH của Việt Nam.
- Nghiên cứu bản chất, chức năng và đặc điểm của tài chính BHXH, quỹ BHXH và vấn đề đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH.
- Xác định những nguyên tắc và cơ sở định phí BHXH, phương pháp xác định phí BHXH.
- Làm rõ bản chất, vai trò vị trí của BHYT
- Nghiên cứu tình hình thực hiện BHXH ở Việt Nam và các xu hướng phát triển của BHXH.
- Nghiên cứu quản lý sự nghiệp BHXH và quản lý nhà nước về BHXH ở Việt Nam.
- Phân tích BHXH ở một số nước trên thế giới để từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

59. < Kinh tế thương mại và dịch vụ>, Mã học phần: ETS331

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp các nội dung: khái niệm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung. Tìm hiểu các chính sách, công cụ và các phương pháp quản lý như thế nào để quản lý ngành thương mại có hiệu quả của nhà nước. Phần cuối môn học đã đề cập đến những phương thức đánh giá hiệu quả kinh doanh, khẳng định được vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế xã hội nói chung và đối với ngành thương mại nói riêng.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng

10.2. Thư viện, trang Web

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

12. Đề cương chi tiết các học phần (Phụ lục D)

TRƯỞNG KHOA

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'Bui Nu Hoang Anh', with a stylized flourish at the end.

TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

Phụ lục A:**1. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia.**

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT Kinh tế Phát triển
Kiến thức	
Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	1.3; 1.4; 1.5
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	1.1
Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	1.2
Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	1.4
Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	1.5
Kỹ năng	
Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	2.1; 2.3; 2.8; 2.9
Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	2.4
Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	2.2; 2.5
Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	2.5
Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	2.4; 2.7; 2.10
Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	2.6
Mức tự chủ và trách nhiệm	
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	3.1
Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	3.2
Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ	3.3; 3.4

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT Kinh tế Phát triển
được quan điểm cá nhân	
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	3.5

2. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng của CĐR đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 4 mức từ 1-4 trong đó:

Mức 1: Không đáp ứng;

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ;

Mức 2: Đáp ứng một phần;

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu;

Chuẩn đầu ra CTĐT	Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
1.1	3	3
1.2	3	2
1.3	3	2
1.4	3	2
1.5	3	2
2.1	3	2
2.2	3	2
2.3	3	2
2.4	3	3
2.5	3	3
2.6	3	2
2.7	3	2
2.8	3	2
2.9	3	2
2.10	3	2
3.1	3	3
3.2	3	3
3.3	3	3
3.4	3	2
3.5	3	2

Phụ lục B: Báo cáo về các nội dung đối sánh

1. Nội dung báo cáo đối sánh CĐR của CTĐT

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD
KHOA: KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CĐR của CTĐT do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: CĐR của các CTĐT tương tự do các CSĐT có uy tín ban hành, Ý kiến của Nhà sử dụng lao động, Cựu sinh viên..., từ đó làm căn cứ để điều chỉnh các CĐR của CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

2.1. Đối sánh bên ngoài: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT với CĐR các CTĐT trong và ngoài nước (nếu có).

Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT với CĐR các CTĐT do các CSĐT khác có uy tín ban hành (ĐH Kinh tế Quốc dân - NEU, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội - VNU, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng - DUE)

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT VỚI CĐR CÁC CTĐT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHÁC

CĐR CTĐT Kinh tế phát triển – TUEBA	CĐR CTĐT Kinh tế phát triển - NEU	CĐR CTĐT Kinh tế phát triển – VNU	CĐR CTĐT Kinh tế phát triển - DUE	Ghi chú
1.1	-	X - 80%	X - 80%	
1.2	X - 80%	X - 80%	X - 80%	
1.3	X - 80%	X - 80%	X - 80%	
1.4	X - 80%	X - 70%	X - 70%	
1.5	X - 90%	X - 70%	X - 70%	

CDR CTĐT Kinh tế phát triển – TUEBA	CDR CTĐT Kinh tế phát triển - NEU	CDR CTĐT Kinh tế phát triển – VNU	CDR CTĐT Kinh tế phát triển - DUE	Ghi chú
2.1	X - 70%	X – 90%	X – 80%	
2.2	-	X- 90%	X - 90%	
2.3	-	X - 80%	X - 70%	
2.4	X - 70%	X - 80%	X - 80%	
2.5	X - 80%	-	-	
2.6	X - 80%	X - 70%	X - 70%	
2.7	X - 70%	X - 80%	X - 80%	
2.8	X - 80%	-	X - 80%	
2.9	-	X - 70%	X - 70%	
2.10	X - 70%	X - 70%	-	
3.1	-	X - 80%	X - 80%	
3.2	X - 70%	X - 80%	X - 80%	
3.3	X - 70%	X - 80%	X - 80%	
3.4	X - 70%	X - 80%	X - 80%	
3.5	X - 70%	X - 80%	X - 80%	

2.2. Đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT với các ý kiến đóng góp của các bên liên quan

- Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT với các ý kiến đóng góp của Nhà sử dụng lao động và Cựu sinh viên

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT VỚI CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

CDR CTĐT Kinh tế phát triển – TUEBA	Ý kiến người sử dụng LĐ	Ý kiến CSV	Ghi chú
1.1	X - 90%	X - 80%	
1.2	X - 90%	X - 80%	
1.3	X - 90%	X - 80%	

CDR CTĐT Kinh tế phát triển – TUEBA	Ý kiến người sử dụng LĐ	Ý kiến CSV	Ghi chú
1.4	X - 90%	X - 80%	
1.5	X - 90%	X - 80%	
2.1	X - 100%	X - 80%	
2.2	X - 100%	X - 80%	
2.3	X - 100%	X - 80%	
2.4	X - 100%	X - 80%	
2.5	X - 90%	X - 80%	
2.6	X - 90%	X - 80%	
2.7	X - 90%	X - 80%	
2.8	X - 80%	X - 80%	
2.9	X - 90%	X - 80%	
2.10	X - 90%	X - 80%	
3.1	X - 90%	X - 80%	
3.2	X - 90%	X - 80%	
3.3	X - 90%	X - 80%	
3.4	X - 90%	X - 80%	
3.5	X - 90%	X - 80%	

3. Đánh giá chung

Về cơ bản CDR CTĐT Kinh tế Phát triển được xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành và sát với nhu cầu của thị trường lao động.

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

2. Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN LÝ

KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CTĐT do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: Các CTĐT tương tự do các CSĐT có uy tín trong nước ban hành, từ đó làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

2.1. Nội dung đối sánh bên ngoài (Đối sánh và tham chiếu khung CTĐT với các khung CTĐT trong nước)

- Đối sánh CTĐT Kinh tế phát triển với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo sau đây:

- + CTĐT Kinh tế phát triển - ĐH Kinh tế Quốc dân
- + CTĐT Kinh tế phát triển - Trường ĐH Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
- + CTĐT Kinh tế phát triển - Trường ĐH Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)			
				CTĐT Kinh tế phát triển (ĐH Kinh tế Quốc dân)	CTĐT Kinh tế phát triển (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Quốc gia HN)	CTĐT Kinh tế phát triển (Trường ĐHKinh tế - Đại học Đà Nẵng)	Ghi chú
<1>		<2>	<3>	<6>	<7>	<8>	<9>
1	Phần Kiến thức đại cương		33				
1	MLP121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2	2	2	
2	MLP132	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2	2	2	
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	2	3	
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	2	2	2	
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	3	3	3	
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	3	3	3	
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	3	3	3	
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	3	3	3	
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	3	3	3	
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	3	2	2	
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	2	2	2	
12	MAE131	Toán kinh tế	3	3	3	3	
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	3	3	
14	GIF131	Tin học đại cương	3	3	3	3	
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	4	4	5	
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	8	8	4 tuần	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành		6	48	14	44	

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)			
				CTĐT Kinh tế phát triển (ĐH Kinh tế Quốc dân)	CTĐT Kinh tế phát triển (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Quốc gia HN)	CTĐT Kinh tế phát triển (Trường ĐHKinh tế - Đại học Đà Nẵng)	Ghi chú
<1>		<2>	<3>	<6>	<7>	<8>	<9>
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	3	3	3	
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	3	3	
2.2	Kiến thức cơ sở ngành		24				
2.2.1	Bắt buộc		21				
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	3	3	3	
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	3	3	3	
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	2	3	3	
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	3	2	3	
25	GEM231	Marketing căn bản	3	3	3	2	
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	3	3	3	
27	ECO231	Kinh tế lượng	3	3	3	3	
2.2.2	Tự chọn		3				
28	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	3	3	
29	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	2	2	3	
30	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	2			
31	DED231	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	3	3	3		
2.3	Kiến thức cơ sở ngành chính		24				
2.3.1	Bắt buộc		18				
32	MIE332	Kinh tế vi mô 2	3	3	3	3	
33	MAE332	Kinh tế vĩ mô 2	3	3	3	3	
34	DEC331	Kinh tế phát triển 1	3	3	3	3	
35	PEC331	Kinh tế công cộng	3	3	3	3	
36	SEF331	Dự báo phát triển KTXH	3	5		3	
37	SDP331	Kế hoạch hóa phát triển KT-XH	3	3		3	

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)			
				CTĐT Kinh tế phát triển (ĐH Kinh tế Quốc dân)	CTĐT Kinh tế phát triển (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Quốc gia HN)	CTĐT Kinh tế phát triển (Trường ĐHKinh tế - Đại học Đà Nẵng)	Ghi chú
<1>		<2>	<3>	<6>	<7>	<8>	<9>
2.3.2	Tự chọn		6				
38	INE331	Kinh tế quốc tế	3	3	3	3	
39	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3				
40	ENC331	Kinh tế môi trường	3		3	3	
41	ECS331	Thống kê kinh tế	3	3	3	3	
42	IEC 331	Kinh tế đầu tư 1	3			3	
43	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3			3	
2.4	Kiến thức chuyên ngành		27				
2.4.1	Bắt buộc		21				
44	EDS331	Chiến lược phát triển KTXH	3		3	3	
45	DEC332	Kinh tế phát triển 2	3			3	
46	SEP331	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH	3			3	
47	DPA331	Phân tích chính sách phát triển	3	3			
48	SOP331	Chương trình và dự án phát triển KTXH	3	3			
49	PED331	Dân số và phát triển kinh tế	3	2		3	
50	EPF331	Kinh tế và tài chính công	3	3		3	
2.4.2	Tự chọn		6				
51	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	3		3	
52	ECP331	Phân vùng kinh tế	3	2		3	
53	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	2		2	
54	RDE331	Kinh tế phát triển nông thôn	3	3	2		

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)			
				CTĐT Kinh tế phát triển (ĐH Kinh tế Quốc dân)	CTĐT Kinh tế phát triển (Trường ĐHKinh tế - Đại học Quốc gia HN)	CTĐT Kinh tế phát triển (Trường ĐHKinh tế - Đại học Đà Nẵng)	Ghi chú
<1>		<2>	<3>	<6>	<7>	<8>	<9>
55	EHR331	Kinh tế nguồn nhân lực 1	3			2	
2.4	DEC421	Thực tập môn học	2				
3	Khóa luận tốt nghiệp		10				
3.1	<i>GRI441</i>	Thực tập tốt nghiệp	4			4	
3.2	<i>THW964</i>	Khóa luận tốt nghiệp	6			6	
	Các học phần tự chọn thay thế khóa luận		6			6	
56	VNE331	Kinh tế Việt Nam	3				
57	SOS331	An sinh xã hội	3				
58	SIN331	Bảo hiểm xã hội	3				
59	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3				
	Tổng toàn khóa (1+2.1+2.2+2.3+2.4+3)		126				

2.2. Nội dung đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu khung CTĐT với các ý kiến đóng góp của các bên liên quan

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)	
				CTĐT theo ý kiến đóng góp của người sử dụng LĐ	CTĐT theo ý kiến đóng góp của người cựu sinh viên
<1>		<2>	<3>	<6>	<7>
1	Phần Kiến thức đại cương		33		
1	MLP121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2	2
2	MLP132	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2	2
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	2
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	2	2
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	3	3
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	3	3
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	3	3
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	3	3
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	3	3
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	3	2
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	2	2
12	MAE131	Toán kinh tế	3	3	3
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	3
14	GIF131	Tin học đại cương	3	3	3
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	3	3
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	3	3
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	8	8
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành		6	48	14

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)	
				CTĐT theo ý kiến đóng góp của người sử dụng LD	CTĐT theo ý kiến đóng góp của người cựu sinh viên
<1>		<2>	<3>	<6>	<7>
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	3	3
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	3
2.2	Kiến thức cơ sở ngành		24		
2.2.1	Bắt buộc		21		
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	3	3
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	3	3
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	2	3
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	3	2
25	GEM231	Marketing căn bản	3	3	3
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	3	3
27	ECO231	Kinh tế lượng	3	3	3
2.2.2	Tự chọn		3		
28	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	3
29	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	2	2
30	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	2	3
31	DED231	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	3	3	3
2.3	Kiến thức cơ sở ngành chính		24		
2.3.1	Bắt buộc		18		
32	MIE332	Kinh tế vi mô 2	3	3	3
33	MAE332	Kinh tế vĩ mô 2	3	3	3
34	DEC331	Kinh tế phát triển 1	3	3	3
35	PEC331	Kinh tế công cộng	3	3	3
36	SEF331	Dự báo phát triển KTXH	3	5	3
37	SDP331	Kế hoạch hóa phát triển KT-XH	3	3	3
2.3.2	Tự chọn		6		
38	INE331	Kinh tế quốc tế	3	3	3

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)	
				CTĐT theo ý kiến đóng góp của người sử dụng LD	CTĐT theo ý kiến đóng góp của người cựu sinh viên
<1>		<2>	<3>	<6>	<7>
39	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3		3
40	ENC331	Kinh tế môi trường	3		3
41	ECS331	Thống kê kinh tế	3	3	3
42	IEC 331	Kinh tế đầu tư 1	3	3	3
43	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3	3	3
2.4	Kiến thức chuyên ngành		27		
2.4.1	Bắt buộc		21		
44	EDS331	Chiến lược phát triển KTXH	3	3	3
45	DEC332	Kinh tế phát triển 2	3	3	3
46	SEP331	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH	3	3	3
47	DPA331	Phân tích chính sách phát triển	3	3	3
48	SOP331	Chương trình và dự án phát triển KTXH	3	3	3
49	PED331	Dân số và phát triển kinh tế	3	2	3
50	EPF331	Kinh tế và tài chính công	3	3	3
2.4.2	Tự chọn		6		
51	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	3	2
52	ECP331	Phân vùng kinh tế	3	2	2
53	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	2	2
54	RDE331	Kinh tế phát triển nông thôn	3	3	2
55	EHR331	Kinh tế nguồn nhân lực 1	3	3	2
2.4	DEC421	Thực tập môn học	2		
3	Khóa luận tốt nghiệp		10		
3.1	GRI441	Thực tập tốt nghiệp	4	4	4
3.2	THW964	Khóa luận tốt nghiệp	6	6	6

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)	
				CTĐT theo ý kiến đóng góp của người sử dụng LD	CTĐT theo ý kiến đóng góp của người cựu sinh viên
<1>		<2>	<3>	<6>	<7>
	Các học phần tự chọn thay thế khóa luận		6		
56	VNE331	Kinh tế Việt Nam	3		4
57	SOS331	An sinh xã hội	3	3	3
58	SIN331	Bảo hiểm xã hội	3	3	3
59	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	3	3
	Tổng toàn khóa (1+2.1+2.2+2.3+2.4+3)		126		

3.Đánh giá chung

Chương trình đào tạo Kinh tế phát triển của trường Đại học kinh tế và Quản trị Kinh doanh có tổng số tín chỉ của chương trình là 126 TC, trong đó có 33TC là phần kiến thức đại cương, 93 TC là kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó có 10TC khóa luận tốt nghiệp. Nhìn chung, chương trình đào tạo Kinh tế phát triển của Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh có số lượng tín chỉ khá ít so với các CTĐT chuyên ngành này ở một số trường Đại học uy tín khác trong nước. Trong đó số lượng học phần tự chọn là khá nhiều so với một số trường khác. Điều đó cho thấy Nhà trường đề cao tính tự chủ trong học tập của sinh viên. Sinh viên có thể lựa chọn những môn học phù hợp với định hướng học tập của mình hơn. Tuy nhiên, Nhà trường cần phải thực hiện tốt trong việc định hướng cho sinh viên tự chọn môn học một cách đúng đắn nhất, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra và định hướng nghề nghiệp cũng như vị trí việc làm mà sinh viên mong muốn trong tương lai.

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

3. Nội dung báo cáo đối sánh của học phần

Phụ lục C: Kế hoạch đào tạo

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QTKD

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

CTĐT: Kinh tế Phát triển

Mã ngành: 7310105

Ngành: Kinh tế Phát triển

Thời gian đào tạo: 4 năm

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
I.	PHẦN KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG		33										
1	MLP121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	24	12	2							
2	MLP132	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	36	18		3						
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12			2					
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	36	18				3				
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	24	12	2							
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	24	12	2							
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	24	12		2						
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	24	12			2					
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	24	12				2				
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	24	12					2			
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	24	12						2		
12	MAE131	Toán kinh tế	3	36	18	3							
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36	18		3						
14	GIF131	Tin học đại cương	3	36	18	3							
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			x							
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				x						
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					x					
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần					x					
II	KHỐI KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP												
II.1	KIẾN THỨC CƠ SỞ CỦA KHỐI NGÀNH		6										
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	36	18	3							
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	36	18		3						
II.2	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		24										
	Bắt buộc		21										
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	36	18		3						

22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	36	18		3						
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	36	18			3					
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	36	18			3					
25	GEM231	Marketing căn bản	3	36	18			3					
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	36	18				3				
27	ECO231	Kinh tế lượng	3	36	18				3				
	Tự chọn		3						3				
28	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	36	18								
29	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	36	18								
30	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	36	18								
31	DED231	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	3	36	18								
II.3	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH CHÍNH		24										
	Bắt buộc		18										
32	MIE332	Kinh tế vi mô 2	3	36	18			3					
33	MAE332	Kinh tế vĩ mô 2	3	36	18				3				
34	DEC331	Kinh tế phát triển 1	3	36	18					3			
35	PEC331	Kinh tế công cộng	3	36	18					3			
36	SEF331	Dự báo phát triển KTXH	3	36	18					3			
37	SDP331	Kế hoạch hóa phát triển KT-XH	3	36	18					3			
	Tự chọn		6								6		
38	INE331	Kinh tế quốc tế	3	36	18								
39	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	36	18								
40	ENC331	Kinh tế môi trường	3	36	18								
41	ECS331	Thống kê kinh tế	3	36	18								
42	IEC 331	Kinh tế đầu tư 1	3	36	18								
43	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3	36	18								
II.4	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		27										
	Bắt buộc		21										
44	EDS331	Chiến lược phát triển KTXH	3	36	18					3			
45	DEC332	Kinh tế phát triển 2	3	36	18						3		
46	SEP331	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH	3	36	18						3		
47	DPA331	Phân tích chính sách phát triển	3	36	18							3	
48	SOP331	Chương trình và dự án phát triển KTXH	3	36	18							3	
49	PED331	Dân số và phát triển kinh tế	3	36	18							3	
50	EPF331	Kinh tế và tài chính công	3	36	18							3	
	Tự chọn		6									6	
51	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	36	18								
52	ECP331	Phân vùng kinh tế	3	36	18								

53	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	36	18								
54	RDE331	Kinh tế phát triển nông thôn	3	36	18								
55	EHR331	Kinh tế nguồn nhân lực 1	3	36	18								
II.5	COP421	THỰC TẬP MÔN HỌC	2								2		
III	GRI441	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	4										4
IV	THW964	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	6										6
	Các học phần tự chọn thay thế khóa luận (*)												
56	VNE331	Kinh tế Việt Nam	3	36	18								
57	SOS331	An sinh xã hội	3	36	18								
58	SIN331	Bảo hiểm xã hội	3	36	18								
59	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	36	18								
TỔNG TOÀN KHÓA			126			15	17	16	17	17	16	18	10

(*) Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp sẽ lựa chọn 06 tín chỉ trong các học phần từ 56 đến 59.

Phụ lục D: Đề cương chi tiết học phần